*TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2026*

# TỜ TRÌNH

***Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu***

**1. Căn cứ.**

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Bộ Nguyên tắc quản trị công ty Việt Nam 2026;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu.

**2. Vấn đề.**

- Ngày 03/02/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam 2026 hướng dẫn áp dụng thông lệ tốt nhất trong quản trị công ty dành cho công ty đại chúng, và khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng.
- Để áp dụng theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam, nâng cao hiệu quả công tác quản trị, Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**3. Kiến nghị.**

Hội đồng quản trị kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu theo dự thảo đính kèm.

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**Trần Hùng Huy**

**Đính kèm:**
- Phụ lục 1: Các nội dung sửa đổi, bổ sung;
- Phụ lục 2: Dự thảo (sửa đổi, bổ sung) Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu.

# PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG ĐIỀU LỆ ACB

*(Đính kèm Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu)*

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| **Điều 1. Giải thích thuật ngữ** (Bổ sung thêm điểm a, sửa đổi điểm quy định về "Vốn điều lệ") | | | |
| 1 | Chưa có | *"Ban điều hành"*, bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, và Kế toán trưởng. | Làm rõ thuật ngữ thường xuyên được sử dụng trong Điều lệ và Báo cáo thường niên của Ngân hàng. |
| **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Ngân hàng** | | | |
| 3 | 3. Trụ sở chính đặt tại: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, **Phường 5, Quận 3,** Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam<br>Điện thoại: (+84) (028) 3929 0999<br>Trang web: https://acb.com.vn/ | 3. Trụ sở chính đặt tại: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, **Phường Bàn Cờ,** Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam<br>Điện thoại: (+84) (028) 3929 0999<br>Trang web: https://acb.com.vn/ | Cập nhật theo địa giới hành chính áp dụng từ 1/7/2025. |
| **Điều 27. Hệ thống kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ** (điều chỉnh nội dung) | | | |
| 4 | Ngân hàng sẽ thiết lập Hệ thống **kiểm tra,** kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ như sau:<br>1. Hệ thống kiểm soát nội bộ thuộc bộ máy điều hành của Tổng giám đốc từ trụ sở chính đến các sở giao dịch, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc giúp Tổng giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng. Cơ chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ, tại tất cả các đơn vị, bộ phận của | Ngân hàng sẽ thiết lập Hệ thống kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ như sau:<br>1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng, được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ. Kiểm soát nội bộ được thực hiện đối với tất cả hoạt động, quy trình nghiệp vụ, các bộ | Phù hợp với quy định tại văn bản hợp nhất số 20/VBHN-NHNN ngày 10/9/2025 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | Ngân hàng. Ngân hàng phải thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các công ty trực thuộc.<br>2. "Kiểm toán nội bộ" là hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng, thông qua đó đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. "Bộ phận kiểm toán nội bộ" là đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của Ngân hàng. Kiểm toán nội bộ được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát. Căn cứ quy mô, mức độ và đặc điểm hoạt động của Ngân hàng và trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị quyết định tổ chức bộ máy của Kiểm toán nội bộ, chế độ lương, | phận của Ngân hàng. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, Ngân hàng có báo cáo nội bộ về kiểm soát nội bộ gửi các cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.<br>2. "Kiểm toán nội bộ" là hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng, thông qua đó đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Kiểm toán nội bộ thực hiện theo nguyên tắc: độc lập; khách quan; và chuyên nghiệp.<br>3. Đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của Ngân hàng là "Bộ phận kiểm toán nội bộ". "Bộ phận Kiểm toán **nội bộ" trực thuộc** và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm **soát.** | |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | thưởng, phụ cấp trách nhiệm của người làm công tác kiểm toán nội bộ. | | |
| **Điều 28. Quyền của cổ đông** (điều chỉnh khoản 2h, 2j, và khoản 3) | | | |
| 5 | h. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình. | h. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; **người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông (người ủy quyền) đồng ý;** người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình. | Bổ sung để làm rõ và thống nhất với nội dung ở phần ủy quyền về ủy quyền lại. |
| 6 | j. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. | j. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:<br>(i). đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát[1] **theo quy định tại Điều 25. "Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát" của Điều lệ này;**<br>**(ii). kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 35. "Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông" của Điều lệ này;**<br>**(vi). yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Điều lệ này.** | Bổ sung để nhấn mạnh các quyền của cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên (Các nội dung này đều đã được quy định tại các Điều 25, Điều 35 và Điều 42 của Điều lệ.) |
| 7 | 3. Ngoài các quyền được nêu tại khoản 2 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% | k. Ngoài các quyền được nêu tại khoản 2 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông | Thay đổi số thứ tự và bổ sung nội dung để nhấn mạnh. (Nội |

[1] Khoản 10 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng về Quyền của cổ đông phổ thông.

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | số cổ phần phổ thông có thêm quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. | có thêm quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông **theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường của Điều lệ này.** | dung bổ sung đã được quy định tại Điều 31 của Điều lệ.) |
| **Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông** (điều chỉnh khoản 9) | | | |
| 8 | 9. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông; | 9. **Cung cấp địa chỉ và thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần hoặc khi nhận chuyển nhượng cổ phần.** Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông; | Đảm bảo cập nhật được chính xác thông tin liên hệ với cổ đông, từ đó đảm bảo quyền lợi của cổ đông. |
| **Điều 31. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường** (điều chỉnh khoản 1f) | | | |
| 9 | f. Theo yêu cầu của NHNN | f. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng. | Theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. |
| **Điều 32. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông** (điều chỉnh khoản 1.j, 1.q, 1.s, bổ sung khoản 4) | | | |
| 10 | 1.j.Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi; | 1.j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi; **trái phiếu kèm chứng quyền;** | Theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. |
| 11 | 1.q. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; | 1.q.Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, **trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc**. | Theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. |
| 12 | 1.s.Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc theo quy định tại Luật Các TCTD; | 1.s. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập **để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực** | Theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | | **hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo**; | |
| 13 | Chưa có | 2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây :<br>a. Các hợp đồng quy định tại điểm q khoản 3 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng hoặc có lợi ích liên quan đến hợp đồng, hoặc có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng;<br>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật. | Theo quy định của khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp về Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan. |
| **Điều 33 Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông** (cấu trúc lại và bổ sung nội dung để làm rõ) | | | |
| 14 | 1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình; có thể ủy quyền lại cho người khác dự họp nếu được cổ đông đồng ý. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện này. | **1. Quyền ủy quyền và phạm vi ủy quyền**<br>a. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình.<br>b. Người được ủy quyền có thể ủy quyền lại cho người khác dự họp nếu được cổ đông (bên ủy quyền) đồng ý.<br>c. Trường hợp cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền, cổ đông phải xác định cụ thể đối với mỗi | Làm rõ quy định về ủy quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ để phù hợp với tất cả các hình thức thông qua quyết định của ĐHĐCĐ. |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | 2. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông (kể cả trường hợp ủy quyền lại) phải được lập bằng văn bản. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:<br>a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số giấy tờ pháp lý, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ pháp lý của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình.<br>b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: (i) Thông tin Bên ủy quyền (Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số giấy tờ pháp lý của cá nhân đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân); (ii) Số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; (iii) Thông tin Bên được ủy quyền (họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ pháp lý của người được ủy quyền). Bên ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên và đóng dấu của pháp | người: số cổ phần, **loại cổ phần** và số phiếu bầu/**quyền biểu quyết tương ứng.**<br>**2. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông (kể cả trường hợp ủy quyền lại) phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và theo mẫu của Ngân hàng và chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:**<br>**a. Phải có các yếu tố sau đây: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng và loại cổ phần được ủy quyền, nội dung và mục đích ủy quyền, phạm vi ủy quyền, và có chữ ký theo quy định sau đây:**<br>**(i). Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;**<br>**(ii). Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;**<br>**(iii). Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.**<br>**b. Ngân hàng nhận được bản chính văn bản ủy quyền trong thời hạn Ngân hàng quy định cho từng cuộc họp/từng đợt lấy ý kiến bằng văn bản;** | |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | nhân. Trường hợp chữ ký của Bên ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của Bên ủy quyền.<br>3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:<br>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;<br>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc uỷ quyền;<br>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.<br>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. | **đối với cổ đông là tổ chức, cá nhân nước ngoài có thể gửi bản scan trước và bổ sung bản chính theo thời hạn Ngân hàng thông báo.**<br>**c. Thời điểm Ngân hàng nhận văn bản ủy quyền được xác định theo dấu tiếp nhận của Ngân hàng.**<br>3. **Thực hiện biểu quyết/bỏ phiếu bởi người được ủy quyền**<br>**a. Kết quả biểu quyết, bỏ phiếu do người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền là có giá trị như do cổ đông tự thực hiện.**<br>**b. Trường hợp người được ủy quyền nhận ủy quyền từ nhiều cổ đông, việc biểu quyết/bỏ phiếu có thể theo một trong hai phương thức:**<br>**(i). thống nhất một nội dung biểu quyết cho tất cả các cổ đông ủy quyền; hoặc**<br>**(ii). biểu quyết linh hoạt theo quyết định/hướng dẫn riêng của từng cổ đông ủy quyền, phù hợp với phạm vi ủy quyền được phân bổ và ghi rõ trong văn bản ủy quyền.**<br>c. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:<br>- Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;<br>- Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc uỷ quyền;<br>- Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. | |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | | Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo **bằng văn bản trong thời hạn Ngân hàng quy định theo từng lần tổ chức đại hội/từng lần lấy ý kiến bằng văn bản** về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. | |
| **Điều 35. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông** (điều chỉnh khoản 3) | | | |
| 14 | 3....Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:<br>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;<br>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;<br>c. Phiếu biểu quyết;<br>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. | 3….Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được **gửi cho các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ và/hoặc** đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. **Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ,** thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:<br>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;<br>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;<br>c. **Mẫu** Phiếu biểu quyết;<br>d. **Mẫu Văn bản ủy quyền trong trường hợp cổ đông ủy quyền dự họp;**<br>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. | Điều chỉnh câu chữ theo quy định của pháp luật, và phù hợp với thực tế. |
| **Điều 38 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết họp Đại hội đồng cổ đông** (điều chỉnh khoản 1, 3, 5, 6, 9) | | | |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| 15 | 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ngân hàng phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết **theo trình tự sau**:<br>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.<br>b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.<br>c. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.<br>d. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.<br>e. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định | 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ngân hàng phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.<br>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.<br>b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.<br>c. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá 03 (ba) người;<br>d. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền tham dự và biểu quyết ngay sau khi đăng ký theo các phương thức phù hợp với hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông tham dự muộn | Bố cục lại cho gọn |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá 03 (ba) người;<br>f. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. | đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. | |
| 16 | 3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. | 3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. **Chương trình và nội dung họp có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn bộ hoặc một phần và nếu chỉ thông qua được một phần thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành với một phần chương trình và nội dung được thông qua, phần nội dung không được thông qua sẽ được xem xét thông qua trong một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khác tiếp theo.** | Bổ sung để làm rõ. |
| | 5. Đại hội cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết | **Bãi bỏ** | Nội dung đã được nêu tại khoản 1 của Điều này |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. | | |
| 17 | 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc và vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. | **Bãi bỏ** | Nội dung đã được nêu tại khoản 1 Điều này |
| 18 | 9.Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành | 9.Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp **(theo tỷ lệ thông qua trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp)** cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. | Bổ sung để làm rõ ý. |
| **Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông** (điều chỉnh khoản 2b, 2c, 2d) | | | |
| 19 | 2b.Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và các tài liệu giải trình cho cổ đông, trong đó quy định ngày phải gửi trả lại ("Ngày hoàn trả") các tài liệu đó (nếu cần) kèm Phiếu lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông cho Ngân hàng; Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính nơi đăng ký kinh | 2b.Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, quyết định **và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến**. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:<br>(i). tên, địa chỉ trụ sở chính, **mã số doanh nghiệp** của Ngân hàng; | Bổ sung nhằm làm rõ và phù hợp với thực tế. |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | doanh của Ngân hàng; mục đích lấy ý kiến; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến; thời hạn gửi về Ngân hàng Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị; | (ii). mục đích lấy ý kiến;<br>(iii). Đối với cổ đông là cá nhân: họ, tên, **địa chỉ liên lạc**, quốc tịch, **số đăng ký sở hữu**[2];<br>(iv). Đối với cổ đông là tổ chức: tên tổ chức, **địa chỉ liên lạc/trụ sở chính**, quốc tịch, **số đăng ký sở hữu**[2], **và thông tin người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức** (họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân được cử làm đại diện).<br>(v). số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;<br>(vi). vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;<br>(vii). phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến;<br>(viii). thời hạn gửi về Ngân hàng Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời **(ngày hoàn trả);**<br>(ix). họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. | |
| 20 | 2c. Phiếu lấy ý kiến được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức. **Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;** | 2c. **Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây theo hướng dẫn và phù hợp với quy định của Ngân hàng cho từng đợt lấy ý kiến:**<br>**(i). Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.** | Bổ sung nhằm làm rõ và phù hợp với tất cả các hình thức thông qua quyết định của ĐHĐCĐ. |

[2] Số đăng ký sở hữu (số ĐKSH) là thông tin để xác định người sở hữu chứng khoán, có thể là một trong các số sau: số định danh cá nhân, số hộ chiếu, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số giao dịch chứng khoán, v.v. ; được quy định chi tiết tại khoản 8 Điều 2 quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 03 tháng 02 năm 2026 về Quy chế về hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | | **(ii). Gửi thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.**<br>**2d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.**<br>**2e. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến đã bị mở trong trường hợp gửi thư, hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử, là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến của bất kỳ cổ đông nào không được gửi về Ngân hàng vì bất kỳ lý do nào được coi là cổ đông đó không tham gia biểu quyết.** | |
| 21 | 2d. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm chức vụ quản lý trong Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính, **số và ngày cấp đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;** mục đích và các vấn đề **cần xin ý kiến** để thông qua quyết định; số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; …. | 2f.Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm chức vụ quản lý trong Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính, **mã số doanh nghiệp;** mục đích và các vấn đề **cần lấy ý kiến** để thông qua quyết định;số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;.... | Điều chỉnh để phù hợp với quy định pháp luật (TCTD không còn sử dụng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh). |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| **Điều 45 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** (bổ sung khoản 2; điều chỉnh khoản 22, 23; và bổ sung ý về các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT) | | | |
| 22 | Chưa có. | 2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách hàng năm của Ngân hàng. | Theo ACGS và VNCG Code |
| 23 | 22. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật. | 23. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật. **Trong trường hợp ACB là đối tượng sáp nhập, mua lại và/hoặc thâu tóm cần được cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị phải thuê một bên độc lập để đánh giá sự hợp lý của giá trị giao dịch đó.** | Theo ACGS và VNCG Code |
| 24 | 23.Quyết định mức bồi thường, cơ chế bồi thường và các vấn đề khác có liên quan đến việc bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản là đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan. | 24. Quyết định **mức bồi thường** trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản **là do nguyên nhân chủ quan**.[3] | Theo Nghị định 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng |
| 25 | Chưa có. | Các loại quyết định phải có phê duyệt của Hội đồng quản trị: thực hiện theo các nội dung nêu trên, trừ nội dung ghi nhận tại các khoản 19, 21, 22 của Điều này. | Theo ACGS và VNCG Code. |
| **Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị** (điều chỉnh điểm d khoản 2, và bổ sung điểm h khoản 2) | | | |
| 26 | 2.d. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, **trừ trường hợp** | 2.d. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, **trừ trường hợp không được tham gia, biểu** | Theo ACGS và VNCG Code |

[3] Khoản 9 Nghị định 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng.

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | **không được biểu quyết** vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình. | **quyết** vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình. | |
| 27 | Chưa có | 2.h. **Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có trách nhiệm thực hiện, tổ chức thực hiện rà soát các giao dịch bên liên quan (giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ) trọng yếu, quan trọng nhằm đảm bảo các giao dịch này phục vụ tốt nhất cho Ngân hàng và cổ đông.** | Theo ACGS và VNCG Code |
| **Điều 49. Cuộc họp của Hội đồng quản trị** (điều chỉnh khoản 7 và điểm a khoản 10) | | | |
| 28 | 7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 (ba)** ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. | 7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **05 (năm)** ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. | Theo ACGS và VNCG Code |
| 29 | 10.a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ **không được phép tham gia biểu quyết** đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của | 10.a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ **không được phép tham gia thảo luận, biểu quyết** đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để **tham gia thảo luận, biểu quyết** vấn đề đó. | Theo ACGS và VNCG Code |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | thành viên Hội đồng quản trị khác để **tham gia biểu quyết** vấn đề đó. | | |
| **Điều 51. Thư ký công ty** | | | |
| 30 | Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm 01 (một) hay nhiều người làm thư ký công ty và quy định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký vào bất cứ thời điểm nào, tuy nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa thư ký công ty và Ngân hàng. Chức năng, nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:<br>1. Thông báo việc triệu tập, tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay của Ban kiểm soát;<br>2. Ghi biên bản cuộc họp;<br>3. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;<br>4. Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông;<br>5. Các công việc khác theo quy định của Hội đồng quản trị, của văn bản pháp luật khác có liên quan.<br>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | **Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) hay nhiều người làm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT, đặc biệt là thành viên HĐQT mới, thực hiện trách nhiệm của mình. Chức năng, nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:**<br>**1. Quản lý tất cả các vấn đề hậu cần và tư vấn về thủ tục các cuộc họp cho các cuộc họp HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT, tham dự và ghi biên bản họp, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin trong HĐQT;**<br>**2.** Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông**;**<br>**3. Tư vấn cho HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng;**<br>**4. Tư vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp và tuân thủ các quy định đối với doanh nghiệp, chứng khoán và các yêu cầu về niêm yết;**<br>**5. Quản lý các quy trình liên quan đến các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;**<br>**6. Theo dõi các tiến triển trong quản trị công ty và hỗ trợ HĐQT áp dụng các thông lệ quản trị công ty để đáp ứng nhu cầu của HĐQT và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan.**<br>**7.Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.** | Theo ACGS và VNCG Code |

| Stt | Quy định hiện hành | Đề xuất điều chỉnh | Cơ sở |
|---|---|---|---|
| | | 8. Các công việc khác theo quy định của Hội đồng quản trị, của văn bản pháp luật khác có liên quan. | |
| **Điều 62. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi** (điều chỉnh khoản 4 và điểm b khoản 6) | | | |
| 31 | 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được **biểu quyết** đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được **tham gia thảo luận, biểu quyết** đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | Theo ACGS và VNCG Code |
| 32 | 6b.…Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng, giao dịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, giao dịch không được phép **tham gia biểu quyết.** | 6b.…Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép **tham gia thảo luận, biểu quyết.** | Theo ACGS và VNCG Code |

*(Những điểm điều chỉnh: được in đậm)*

# PHỤ LỤC 2: ĐIỀU LỆ
# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /TCQĐ-ĐHĐCĐ.26 ngày tháng năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)*

**DỰ THẢO**

## MỤC LỤC

MỤC LỤC ..... 1
PHẦN MỞ ĐẦU ..... 5
MỤC I. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ ..... 5
**Điều 1. Giải thích thuật ngữ ..... 5**
MỤC II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG ..... 7
**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Ngân hàng ..... 7**
**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật ..... 7**
MỤC III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG ..... 8
**Điều 4. Mục tiêu hoạt động ..... 8**
**Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động ..... 8**
**Điều 6. Hoạt động huy động vốn ..... 8**
**Điều 7. Hoạt động cấp tín dụng ..... 8**
**Điều 8. Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán qua tài khoản ..... 9**
**Điều 9. Hoạt động góp vốn, mua cổ phần ..... 9**
**Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh ..... 10**
**Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của Ngân hàng ..... 10**
**Điều 12. Kinh doanh bất động sản ..... 10**
**Điều 13. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng ..... 10**
**Điều 14. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ..... 11**
MỤC IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU, VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC ..... 11
**Điều 15. Vốn điều lệ ..... 11**
**Điều 16. Cổ phần ..... 12**
**Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần ..... 12**
**Điều 18. Cổ phiếu, Trái phiếu và Chứng chỉ chứng khoán khác ..... 13**

**Điều 19. Chuyển nhượng cổ phần và thu hồi cổ phần ..... 13**
MỤC V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT ..... 15
**A. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ ..... 15**
**Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý ..... 15**
**B. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ..... 15**
**Điều 21. Nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc ..... 15**
**Điều 22. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ ..... 15**
**Điều 23. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ ..... 17**
**Điều 24. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách ..... 17**
**Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát ..... 18**
**Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc ..... 19**
**C. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ ..... 19**
**Điều 27. Hệ thống kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ ..... 19**
MỤC VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ..... 20
**Điều 28. Quyền của cổ đông ..... 20**
**Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông ..... 21**
**Điều 30. Đại hội đồng cổ đông ..... 22**
**Điều 31. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường ..... 23**
**Điều 32. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông ..... 23**
**Điều 33. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông ..... 25**
**Điều 34. Thay đổi các quyền ..... 27**
**Điều 35. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông ..... 27**
**Điều 36. Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông ..... 29**
**Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông ..... 29**
**Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết họp Đại hội đồng cổ đông ..... 29**
**Điều 39. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua ..... 31**
**Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ..... 32**
**Điều 41. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ..... 33**
**Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ..... 34**
**Điều 43. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ..... 35**
MỤC VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... 35
**Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ ..... 35**

**Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** ..... **36**
**Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị** ..... **37**
**Điều 47. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị** ..... **39**
**Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị** ..... **39**
**Điều 49. Cuộc họp của Hội đồng quản trị** ..... **40**
**Điều 50. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị** ..... **42**
**Điều 51. Thư ký công ty** ..... **43**
**Điều 52. Người phụ trách quản trị công ty** ..... **43**
MỤC VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC ..... 44
**Điều 53. Tổ chức bộ máy quản lý** ..... **44**
**Điều 54. Người điều hành Ngân hàng** ..... **44**
**Điều 55. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc** ..... **44**
**Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc** ..... **45**
MỤC IX. BAN KIỂM SOÁT ..... 46
**Điều 57. Thành phần và nhiệm kỳ** ..... **46**
**Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát** ..... **46**
**Điều 59. Cuộc họp của Ban kiểm soát** ..... **48**
**Điều 60. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát** ..... **48**
MỤC X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN KHÁC CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ..... 48
**Điều 61. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành** ..... **48**
**Điều 62. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi (xung đột lợi ích)** ..... **49**
**Điều 63. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** ..... **50**
MỤC XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG ..... 50
**Điều 64. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Ngân hàng** ..... **50**
MỤC XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN ..... 51
**Điều 65. Người lao động và Công đoàn** ..... **51**
MỤC XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN ..... 51
**Điều 66. Phân phối lợi nhuận** ..... **51**
MỤC XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ..... 52
**Điều 67. Tài khoản ngân hàng** ..... **52**
**Điều 68. Chế độ tài chính** ..... **52**
**Điều 69. Vốn và sử dụng vốn** ..... **53**

**Điều 70. Các quỹ dự trữ** ..... **53**
**Điều 71. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng** ..... **53**
**Điều 72. Năm tài chính** ..... **53**
MỤC XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN ..... 54
**Điều 74. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý** ..... **54**
**Điều 75. Báo cáo thường niên** ..... **54**
**Điều 76. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng** ..... **54**
**Điều 77. Cung cấp thông tin** ..... **54**
**Điều 78. Nghĩa vụ bảo mật** ..... **54**
MỤC XVI. KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG ..... 55
**Điều 79. Kiểm toán** ..... **55**
MỤC XVII. DẤU CỦA NGÂN HÀNG ..... 55
**Điều 80. Dấu của Ngân hàng** ..... **55**
MỤC XVIII. CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, VÀ GIẢI THỂ ..... 56
**Điều 81. Can thiệp sớm và Kiểm soát đặc biệt** ..... **56**
**Điều 82. Tổ chức lại Ngân hàng** ..... **56**
**Điều 83. Phá sản Ngân hàng** ..... **56**
**Điều 84. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng** ..... **56**
**Điều 85. Gia hạn hoạt động** ..... **56**
**Điều 86. Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động** ..... **56**
MỤC XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ ..... 57
**Điều 87. Giải quyết tranh chấp nội bộ** ..... **57**
MỤC XX. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ ..... 57
**Điều 88. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ** ..... **57**
MỤC XXI. NGÀY HIỆU LỰC ..... 58
**Điều 89. Ngày hiệu lực** ..... **58**

# PHẦN MỞ ĐẦU

**Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu** (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là doanh nghiệp được thực hiện tất cả hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông ngày ... tháng ... năm ...

# MỤC I.
# GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

## Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ/chữ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:
   a. *"Ban điều hành",* bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, và Kế toán trưởng.
   b. *"Cổ đông",* là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.
   c. *"Cổ đông lớn"*, là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
   d. *"Cổ phần",* là vốn điều lệ của Ngân hàng được chia thành các phần bằng nhau. Mệnh giá cổ phần do Điều lệ quy định.
   e. *"Cổ phiếu",* là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.
   f. *"Cổ tức"*, là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
   g. *"Công ty con",* là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
      (i). Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
      (ii). Ngân hàng có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
      (iii). Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;
      (iv). Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.

h. *"Công ty liên kết"*, là công ty trong đó Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng.

i. *"Luật Các TCTD"*, là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

j. *"Luật Doanh nghiệp"*, là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

k. *"Người điều hành"*, bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc chi nhánh.

l. *"Người quản lý"*, bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc của Ngân hàng.

m. *"Người có liên quan"*, là tổ chức/cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác, được quy định cụ thể trong Luật Các TCTD.

n. *"NHNN"*, là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

o. *"TCTD"*, là Tổ chức tín dụng.

p. *"Thành viên độc lập Hội đồng quản trị"*, là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các TCTD.

q. *"Thời hạn hoạt động"*, là thời gian Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.

r. *"Việt Nam"*, là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

s. *"Vốn điều lệ"*, là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông và được ghi vào Điều lệ này.

t. *"Vốn pháp định"*, là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập Ngân hàng.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

# MỤC II.
# TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Ngân hàng**

1. Tên Ngân hàng
   - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu.**
   - Tên viết tắt bằng tiếng Việt: **Ngân hàng Á Châu.**
   - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **Asia Commercial Joint Stock Bank.**
   - Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **ACB.**
2. Ngân hàng được tổ chức dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
3. Trụ sở chính đặt tại: **442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

   Điện thoại: **(+84) (028) 3929 0999**

   Trang web: https://acb.com.vn/
4. Ngân hàng có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Ngân hàng phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Địa chỉ, tên gọi và một số thông tin về các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty con, công ty liên kết vào thời điểm thông qua Điều lệ này theo phụ lục đính kèm.
5. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 (năm mươi) năm, tính từ ngày 24/4/1993 và có thể gia hạn theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật**

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.
2. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành Ngân hàng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

## MỤC III.
## MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

### Điều 4. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Ngân hàng là:

1. Lợi nhuận cho cổ đông;
2. Nâng tầm giá trị sống của khách hàng thông qua việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng;
3. Tạo điều kiện cho nhân viên phát triển;
4. Góp phần xây dựng và phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước.

### Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Ngân hàng được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Ngân hàng.
2. Ngân hàng có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định của NHNN, quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo thẩm quyền.
3. Ngân hàng có phạm vi hoạt động và kinh doanh trong nước và khi cần thiết có thể hoạt động ở nước ngoài trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật liên quan.

### Điều 6. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi,
3. Vay vốn của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
4. Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
5. Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.

### Điều 7. Hoạt động cấp tín dụng

1. Ngân hàng thực hiện hoạt động cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức sau:
   a. Cho vay;
   b. Chiết khấu, tái chiết khấu;
   c. Bảo lãnh ngân hàng;
   d. Phát hành thẻ tín dụng;

e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế trong trường hợp được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

f. Thư tín dụng;

g. Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc NHNN.

2. Việc cấp tín dụng của Ngân hàng được thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 8. Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán qua tài khoản**

1. Ngân hàng thực hiện việc mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, cung ứng các phương tiện, dịch vụ thanh toán khác phù hợp với nhu cầu của khách hàng và quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng cung ứng các phương tiện, dịch vụ thanh toán sau:

a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN.

3. Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

**Điều 9. Hoạt động góp vốn, mua cổ phần**

1. Ngân hàng được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

2. Ngân hàng phải thành lập, hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động:

a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;

b. Cho thuê tài chính;

c. Bảo hiểm.

3. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực:

a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

5. Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phần của Tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc NHNN.

6. Việc thành lập, hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

**Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh.**

1. Sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản, Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây:
   a. Ngoại hối;
   b. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
2. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

**Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của Ngân hàng**

1. Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc NHNN.
2. Ngân hàng được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.

**Điều 12. Kinh doanh bất động sản**

Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;
3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản, phải đảm bảo đúng mục đích quy định tại khoản 1 Điều này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định theo quy định của Luật Các TCTD.

**Điều 13. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng**

1. Ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN:
   a. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
   b. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
   c. Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
   d. Dịch vụ môi giới tiền tệ;

e. Kinh doanh vàng;

f. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;

g. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

2. Ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

a. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

b. Phát hành trái phiếu;

c. Lưu ký chứng khoán;

d. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

e. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 14. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động**

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động được quy định tại Luật Các TCTD và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

## MỤC IV.
## VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU, VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

**Điều 15. Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông, được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND). Vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua là: **51.366.565.990.000 đồng** ***(Năm mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi sáu tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng)*** được chia thành 5.136.656.599 **cổ phần**, mệnh giá mỗi cổ phần là **10.000 đồng** ***(Mười nghìn đồng)***.

2. Ngân hàng phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

3. Việc thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 16. Cổ phần**

1. Các cổ phần của Ngân hàng vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông, người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
2. Cổ phần của Ngân hàng có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ này và theo các quy định của pháp luật.
3. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.
4. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp giá chào bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần thì phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phần chênh lệch được hạch toán theo quy định của pháp luật.
5. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, bất kỳ cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông theo tỷ lệ tương đương với số cổ phần tương ứng mà họ hiện đang nắm giữ. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn 15 (mười lăm) ngày) chấp nhận chào bán. Bất kỳ cổ phần nào không được chấp nhận theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền xử lý của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các quyền mua cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết nghị khác.
6. Ngân hàng có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của NHNN, quy định của pháp luật.
7. Ngân hàng có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và quy định của pháp luật. Cổ phần được Ngân hàng mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần**

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 05% vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 10% vốn điều lệ của Ngân hàng.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Ngân hàng. Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông đó của tổ chức tín dụng khác không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a. Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Luật Các TCTD;

b. Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;

c. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật Các TCTD.

6. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua, nắm giữ tỷ lệ cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

**Điều 18. Cổ phiếu, Trái phiếu và Chứng chỉ chứng khoán khác**

1. Cổ phiếu hoặc Chứng nhận sở hữu cổ phần (sau đây gọi chung là cổ phiếu) của Ngân hàng là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ phiếu của Ngân hàng không được dùng để cầm cố tại chính Ngân hàng.

3. Trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Ngân hàng (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

**Điều 19. Chuyển nhượng cổ phần và thu hồi cổ phần**

1. Trừ khi pháp luật có quy định khác, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện căn cứ theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

4. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Sau khi niêm yết, việc quản lý, phát hành, chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Ngân hàng phải chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Trung tâm/Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà Nước, Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

5. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

6. Việc thu hồi cổ phần được thực hiện như sau:

Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó với những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Ngân hàng theo quy định.

Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày, kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi trong các trường hợp được quy định trong Điều lệ này.

Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Ngân hàng. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

7. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

8. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

   a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

   b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

   c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

## MỤC V.
## CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

### A. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

**Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và Tổng giám đốc.
2. Ngân hàng gồm các đơn vị thuộc Hội sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, công ty con, và công ty liên kết.
3. Ngân hàng được mở các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty con và công ty liên kết khi có nhu cầu và theo quy định của pháp luật. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

### B. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

**Điều 21. Nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, sự an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Ngân hàng.
3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị điều hành hoạt động hàng ngày theo nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải đảm bảo có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện; phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm; khi miễn nhiệm, bãi nhiệm phải báo cáo cho NHNN theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 22. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ**

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Ngân hàng:
    a. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

c. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;

e. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Ngân hàng theo yêu cầu nhiệm vụ;

f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;

g. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

h. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

i. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật Các TCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

j. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

k. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Các TCTD;

l. Những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng.

**Điều 23. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ**

1. **Chủ tịch** Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
2. **Thành viên** Hội đồng quản trị **không phải là thành viên độc lập** không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
   a. Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Ngân hàng;
   b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
   c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
3. **Thành viên độc lập** Hội đồng quản trị không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
   a. Người điều hành của Ngân hàng;
   b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
   c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
4. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
   a. Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;
   b. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
5. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng.
6. Những trường hợp khác theo quy định của Pháp luật

**Điều 24. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách**

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:

a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 22 Điều lệ này;

b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;

f. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;

g. Bị chết;

h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a, b ,c ,d ,f , g và h khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

**Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử ứng viên Hội đồng quản trị, ứng viên Ban kiểm soát phải duy trì tỷ lệ sở hữu cho đến khi Ngân hàng hoàn tất thủ tục, hồ sơ gửi NHNN xin chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị, của Ban kiểm soát.

4. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

5. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

   a. Họ tên,

   b. Ngày, tháng, năm sinh;

   c. Trình độ học vấn và chuyên môn;

   d. Quá trình công tác;

   e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác (nếu có);

   f. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);

   g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);

**Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc**

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

   a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng;

   b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Luật Các TCTD;

   d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định của Luật Các TCTD;

2. Chủ tịch và các thành viên khác Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

## C. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

**Điều 27. Hệ thống kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ**

Ngân hàng sẽ thiết lập Hệ thống kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ như sau:

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng, được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ. Kiểm soát nội bộ được thực hiện đối với tất cả hoạt động, quy trình nghiệp vụ, các bộ phận của Ngân hàng. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, Ngân hàng có báo cáo nội bộ về kiểm soát nội bộ gửi các cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.
2. "Kiểm toán nội bộ" là hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng, thông qua đó đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Kiểm toán nội bộ thực hiện theo nguyên tắc: độc lập; khách quan; và chuyên nghiệp.
3. Đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của Ngân hàng là "Bộ phận kiểm toán nội bộ". "Bộ phận Kiểm toán nội bộ", trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.

## MỤC VI.
## CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 28. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Ngân hàng và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
   b. Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
   c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông nắm giữ.
   d. Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Các TCTD.
   e. Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.
   f. Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

g. Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Ngân hàng khi giải thể hoặc phá sản.

h. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông (bên ủy quyền) đồng ý; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.

i. Ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.

j. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

(i). đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát[1] theo quy định tại ;

(ii). kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 của Điều lệ này;

(iii). yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại

k. Ngoài các quyền được nêu tại khoản 2 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông có thêm quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1

**Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp;

2. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần mua lại mà vẫn đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do các TCTD hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng

[1] Khoản 10 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng về Quyền của cổ đông phổ thông.

dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

4. Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng;
5. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
6. Chịu trách nhiệm khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi:
   a. Vi phạm pháp luật.
   b. Tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
   c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Ngân hàng;
   d. Các hành vi khác khi không có sự chấp thuận hợp lệ của Ngân hàng.
7. Bảo mật thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
8. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Ngân hàng. Ngân hàng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần;
9. Cung cấp địa chỉ và thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần hoặc khi nhận chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông;
10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 30. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
3. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
4. Trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Ngân hàng phải mời đại diện tổ

chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Điều 31. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
   b. Tình hình tài chính của Ngân hàng cho thấy Ngân hàng bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật Các TCTD và quy định của NHNN;
   c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị hoặc số thành viên Ban kiểm soát không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này hoặc các văn bản pháp luật có liên quan;
   d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị cần có chữ ký của các cổ đông có liên quan);
   e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định của pháp luật hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
   f. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng;
   g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
   a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều này;
   b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;
   c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Ngân hàng triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 49 của Điều lệ này.

**Điều 32. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông:
   a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;

b. Thông qua Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;

c. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, và Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;

e. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;

g. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;

h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

i. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;

j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi; trái phiếu kèm chứng quyền;

k. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm[2];

l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;

m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

n. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;

o. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

q. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân

[2] Khoản 4 Điều 143 của Luật Các tổ chức tín dụng về Xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.

hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

s. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo[3];

t. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây[4]:

a. Các hợp đồng quy định tại điểm q khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng hoặc có lợi ích liên quan đến hợp đồng, hoặc có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định về nội dung quy định tại các điểm a, d, f và r khoản 1 Điều này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 33. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Quyền ủy quyền và phạm vi ủy quyền

a. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình.

b. Người được ủy quyền có thể ủy quyền lại cho người khác dự họp nếu được cổ đông (bên ủy quyền) đồng ý.

c. Trường hợp cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền, cổ đông phải xác định cụ thể đối với mỗi người: số cổ phần, loại cổ phần và số phiếu bầu/quyền biểu quyết tương ứng.

2. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông (kể cả trường hợp ủy quyền lại) phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và theo mẫu của Ngân hàng và chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

[3] Điều 59 của Luật Các tổ chức tín dụng về Kiểm toán độc lập.
[4] Khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp về Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan.

a. Phải có các yếu tố sau đây: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng và loại cổ phần được ủy quyền, nội dung và mục đích ủy quyền, phạm vi ủy quyền, và có chữ ký theo quy định sau đây:

(i). Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

(ii). Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

(iii). Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

b. Ngân hàng nhận được bản chính văn bản ủy quyền trong thời hạn Ngân hàng quy định cho từng cuộc họp/từng đợt lấy ý kiến bằng văn bản; đối với cổ đông là tổ chức, cá nhân nước ngoài có thể gửi bản scan trước và bổ sung bản chính theo thời hạn Ngân hàng thông báo.

c. Thời điểm Ngân hàng nhận văn bản ủy quyền được xác định theo dấu tiếp nhận của Ngân hàng.

3. Thực hiện biểu quyết/bỏ phiếu bởi người được ủy quyền

a. Kết quả biểu quyết, bỏ phiếu do người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền là có giá trị như do cổ đông tự thực hiện.

b. Trường hợp người được ủy quyền nhận ủy quyền từ nhiều cổ đông, việc biểu quyết/bỏ phiếu có thể theo một trong hai phương thức:

(i). thống nhất một nội dung biểu quyết cho tất cả các cổ đông ủy quyền; hoặc

(ii). biểu quyết linh hoạt theo quyết định/hướng dẫn riêng của từng cổ đông ủy quyền, phù hợp với phạm vi ủy quyền được phân bổ và ghi rõ trong văn bản ủy quyền.

c. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc uỷ quyền;
- Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản trong thời hạn Ngân hàng quy định theo từng lần tổ chức đại hội/từng lần lấy ý kiến bằng văn bản về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

**Điều 34. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng sẽ không bị thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 35. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường; hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
    a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;
    b. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cho đại hội; dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
    c. Xác định thời gian và địa điểm họp;

d. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;

e. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Mẫu Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu Văn bản ủy quyền trong trường hợp cổ đông ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và/hoặc các quy định của pháp luật.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 36. Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp, hoặc họp trực tuyến, hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
2. Trình tự, thủ tục và cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua phương thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

**Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện **trên 50%** số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ 02 (hai) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 02 (hai) được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ 03 (ba) được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp. Trong trường hợp này, Đại hội cổ đông lần thứ 02 (hai) hoặc lần thứ 03 (ba) có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

**Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ngân hàng phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
    a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
    b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
    c. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá 03 (ba) người;
    d. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền tham dự và biểu quyết ngay sau khi đăng ký theo các phương thức phù hợp với hình thức tổ chức cuộc

họp ĐHĐCĐ. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
   a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   c. Chủ tọa cử 01 (một) hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
   d. Đại hội đồng cổ đông bầu 01 (một) hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Chương trình và nội dung họp có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn bộ hoặc một phần và nếu chỉ thông qua được một phần thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành với một phần chương trình và nội dung được thông qua, phần nội dung không được thông qua sẽ được xem xét thông qua trong một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khác tiếp theo.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
   a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
   c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
   a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
   b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của

cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
   a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
   b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
   c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp (theo tỷ lệ thông qua trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp) cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 39. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
2. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
3. Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm h và điểm p khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
4. Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm r khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu.

**Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Ngoại trừ các vấn đề thuộc quy định tại các điểm a, d, f và r khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi đạt tỷ lệ thông qua quy định tại Điều 39 Điều lệ này.

2. Để các quyết định được các cổ đông thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

   a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật;

   b. Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, quyết định và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

      (i). tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;

      (ii). mục đích lấy ý kiến;

      (iii). Đối với cổ đông là cá nhân: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số đăng ký sở hữu[5];

      (iv). Đối với cổ đông là tổ chức: tên tổ chức, số đăng ký sở hữu[5], địa chỉ liên lạc/trụ sở chính, quốc tịch, và thông tin người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân được cử làm đại diện).

      (v). số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

      (vi). vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

      (vii). phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến;

      (viii).thời hạn gửi về Ngân hàng Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời (ngày hoàn trả);

      (ix). họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

   c. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây theo hướng dẫn và phù hợp với quy định của Ngân hàng cho từng đợt lấy ý kiến:

      (i). Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

[5] Số đăng ký sở hữu (số ĐKSH) là thông tin để xác định người sở hữu chứng khoán, có thể là một trong các số sau: số định danh cá nhân, số hộ chiếu, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số giao dịch chứng khoán, v.v. ; được quy định chi tiết tại khoản 8 Điều 2 quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 03 tháng 02 năm 2026 về Quy chế về hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

(ii). Gửi thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

e. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến đã bị mở trong trường hợp gửi thư, hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử, là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến của bất kỳ cổ đông nào không được gửi về Ngân hàng vì bất kỳ lý do nào được coi là cổ đông đó không tham gia biểu quyết.

f. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm chức vụ quản lý trong Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề; các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Biên bản kết quả kiểm phiếu và Nghị quyết được gửi cho các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

**Điều 41. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

   c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và nếu cần có thể được lập bằng tiếng nước ngoài, cả hai đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.

**Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 43 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng.

**Điều 43. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông mà được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ Ngân hàng.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## MỤC VII.
## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ**

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị với đa số phiếu bằng thể thức bỏ phiếu hoặc giơ tay.
3. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.
5. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN. Kết quả bầu Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải thông báo cho NHNN.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

9. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
   a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng;
   b. Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng.
10. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Luật Các TCTD.
2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách hàng năm của Ngân hàng.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.
5. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các TCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.
10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

12. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật Các TCTD và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
13. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
14. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
15. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
16. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
17. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được duyệt.
18. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
19. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
20. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
21. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
22. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
23. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Ngân hàng là đối tượng sáp nhập, mua lại và/hoặc thâu tóm cần được cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị phải thuê một bên độc lập để đánh giá sự hợp lý của giá trị giao dịch đó.
24. Quyết định mức bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản là do nguyên nhân chủ quan[6].
25. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Các loại quyết định phải có phê duyệt của Hội đồng quản trị: thực hiện theo các nội dung nêu trên, trừ nội dung ghi nhận tại các khoản 20,22,23 của Điều này.

**Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

[6] Khoản 9 Nghị định 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

c. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

f. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.

h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.

i. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền và nghĩa vụ chung.

j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

k. Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

b. Xem xét báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

c. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.

d. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp không được tham gia và biểu quyết về vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định một số nội dung theo quy định của Luật Các TCTD.

f. Thực hiện nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

g. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

h. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có trách nhiệm thực hiện, tổ chức thực hiện rà soát các giao dịch bên liên quan (giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ) trọng yếu, quan trọng nhằm đảm bảo các giao dịch này phục vụ tốt nhất cho Ngân hàng và cổ đông.

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 47. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) không hưởng lương mà hưởng thù lao và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn (văn bản) gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

7. Trong trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.

**Điều 49. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trong trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong các trường hợp sau đây:

   a. Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

   b. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

   c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;

   d. Có đề nghị của Ban kiểm soát;

   e. Có đề nghị của Tổng giám đốc.

4. Đề nghị họp bất thường quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các điểm b, c, d, e khoản 3 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trong trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quyết định.

7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các

vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc phương tiện điện tử khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu họp đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

9. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trong trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.

10. Biểu quyết:

    a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia thảo luận, biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia thảo luận, biểu quyết vấn đề đó.

    b. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi hoặc quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ phi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

11. Khai báo quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới một hợp đồng hoặc một thỏa thuận đang giao kết hoặc dự kiến giao kết với Ngân hàng, thì phải khai báo ngay tại cuộc họp Hội đồng quản trị bàn về hợp đồng hoặc giao kết đó; hoặc tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất kể từ thời điểm thành viên đó biết việc có liên quan.

12. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).

13. Trong trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua

bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

14. Biên bản: Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị từ chối ký biên bản, thì người ghi biên bản ghi rõ trong biên bản về việc thành viên Hội đồng quản trị đó từ chối ký biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị vẫn có hiệu lực nếu được chủ tọa, các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản ký tên. Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp.

15. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác; nhưng không được tham gia biểu quyết.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

    a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

    b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

    Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương tiện này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo khoản này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

17. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của ủy ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

**Điều 50. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.

**Điều 51. Thư ký công ty**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) hay nhiều người làm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT, đặc biệt là thành viên HĐQT mới, thực hiện trách nhiệm của mình. Chức năng, nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:

1. Quản lý tất cả các vấn đề hậu cần và tư vấn về thủ tục các cuộc họp cho các cuộc họp HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT, tham dự và ghi biên bản họp, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin trong HĐQT;
2. Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông.
3. Tư vấn cho HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng;
4. Tư vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp và tuân thủ các quy định đối với doanh nghiệp, chứng khoán và các yêu cầu về niêm yết;
5. Quản lý các quy trình liên quan đến các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
6. Theo dõi các tiến triển trong quản trị công ty và hỗ trợ HĐQT áp dụng các thông lệ quản trị công ty để đáp ứng nhu cầu của HĐQT và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan.
7. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. Các công việc khác theo quy định của Hội đồng quản trị, của văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 52. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
    a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
    b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
    c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
    d. Tham dự các cuộc họp;
    e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

## MỤC VIII.
## TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

### Điều 53. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Ngân hàng phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng. Ngân hàng có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### Điều 54. Người điều hành Ngân hàng

1. Người điều hành Ngân hàng bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc chi nhánh.
2. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
3. Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công.
4. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
5. Mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
6. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### Điều 55. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc 01 (một) người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc sau khi đã được NHNN chấp thuận bằng văn bản. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

phải được báo cáo NHNN. Trình tự, thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 (ba) năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.

3. Tổng giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

4. Trong trường hợp Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc thì Hội đồng quản trị phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 22 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên NHNN theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn tối đa 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo quy định của NHNN.

6. Trong trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 22 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng giám đốc gửi NHNN theo quy định của pháp luật.

**Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng.

3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

4. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.

6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.

7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.

8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
11. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Ngân hàng ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Ngân hàng theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, và quyết định của Hội đồng quản trị.

## MỤC IX.
## BAN KIỂM SOÁT

### Điều 57. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát với đa số phiếu theo thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc giơ tay.
2. Ban kiểm soát Ngân hàng có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

### Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
2. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ như sau:
    a. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Điều lệ này và Luật Các TCTD.

b. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.

c. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành tổ chức tín dụng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

d. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

e. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của tổ chức tín dụng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

f. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

g. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của tổ chức tín dụng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

   (i). Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

   (ii). Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

h. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành của Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

i. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

j. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Ngân hàng.

k. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trong trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

m. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các điểm f, h và k khoản 2 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.

n. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

3. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng

**Điều 59. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu hoặc mời thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 60. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thù lao của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## MỤC X.
## TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN KHÁC CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

**Điều 61. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách

thành viên các ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng.

**Điều 62. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi (xung đột lợi ích)**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc), Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành có nghĩa vụ khai báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ quyền lợi nào có thể gây xung đột mà họ có với các tổ chức kinh tế khác, các cá nhân hoặc các giao dịch khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được tham gia thảo luận, biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các thành viên khác của Ban điều hành không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Các Hợp đồng giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật CTCTD và văn bản hướng dẫn Luật này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng, công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
    a. Đối với các hợp đồng có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.
    b. Đối với các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng có giá trị nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị thông qua trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia thảo luận, biểu quyết.

7. Trong trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 6 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.

**Điều 63. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các thành viên khác của Ban điều hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Ngân hàng bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Ngân hàng là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, hoặc thành viên khác của Ban điều hành, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## MỤC XI.
## QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

**Điều 64. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Ngân hàng**

1. Cổ đông lớn được quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Ngân hàng và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở kinh doanh chính của Ngân hàng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ cái của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Ngân hàng sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung của nó, Giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

## MỤC XII.
## NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

### Điều 65. Người lao động và Công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Ngân hàng với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Ngân hàng và quy định của pháp luật hiện hành.

## MỤC XIII.
## PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

### Điều 66. Phân phối lợi nhuận

1. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức hoặc các nội dung khác theo quy định của pháp luật.
3. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng.
4. Ngân hàng không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
5. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Ngân hàng đã được cung cấp chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Ngân hàng thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ

đông. Ngân hàng không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được Ngân hàng chuyển bằng chuyển khoản ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Những người đã chính thức đăng ký giữ cổ phiếu hoặc các chứng khoán khác có quyền nhận cổ tức, khoản phân bổ, khoản chia, thông báo hoặc tài liệu.
7. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.
8. Trong trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
9. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
10. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## MỤC XIV.
## TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

### Điều 67. Tài khoản ngân hàng

1. Ngân hàng phải mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.
2. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
3. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
4. Ngân hàng sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

### Điều 68. Chế độ tài chính

1. Ngân hàng chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Ngân hàng.

**Điều 69. Vốn và sử dụng vốn**

1. Vốn của Ngân hàng bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của pháp luật.
3. Ngân hàng được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

**Điều 70. Các quỹ dự trữ**

1. Ngân hàng được trích lập các quỹ sau:
   - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
   - Quỹ dự phòng tài chính;
   - Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
   - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
   - Quỹ khen thưởng;
   - Quỹ phúc lợi;
   - Các Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ nêu trên phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

**Điều 71. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng**

Ngân hàng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

**Điều 72. Năm tài chính**

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Điều 73. Chế độ kế toán**

1. Ngân hàng thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của NHNN và pháp luật liên quan.
2. Ngân hàng lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Ngân hàng phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
3. Ngân hàng thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.
4. Ngân hàng sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## MỤC XV.
## BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Điều 74. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Ngân hàng lập các báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Ngân hàng.
3. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán được gửi tới tất cả các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trong trường hợp Ngân hàng có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Ngân hàng phải được công bố trên website đó.

**Điều 75. Báo cáo thường niên**

Ngân hàng lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 76. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Ngân hàng công bố ra công chúng và nộp cho cơ quan có thẩm quyền các báo cáo tài chính và các thông tin, tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 77. Cung cấp thông tin**

1. Ngân hàng cung cấp cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản mở tại Ngân hàng theo thỏa thuận giữa hai bên.
2. Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Ngân hàng có thể trao đổi thông tin về hoạt động của mình với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

**Điều 78. Nghĩa vụ bảo mật**

1. Người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của Ngân hàng bằng bất cứ hình thức nào.
2. Ngân hàng phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của mình theo quy định của Chính phủ.

3. Ngân hàng không được cung cấp thông tin khách hàng của mình cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

## MỤC XVI.
## KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG

### Điều 79. Kiểm toán

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo. Việc chọn tổ chức kiểm toán độc lập được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn. Ngân hàng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
2. Ngân hàng phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Tổ chức kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, xác thực và báo cáo theo quy định của pháp luật trên cơ sở báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và gửi Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính cho Hội đồng quản trị.
4. Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập được phép tham dự bất kỳ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nào và thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề của Đại hội có liên quan đến kiểm toán viên.
5. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NH.

## MỤC XVII.
## DẤU CỦA NGÂN HÀNG

### Điều 80. Dấu của Ngân hàng

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Ngân hàng, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Ngân hàng.
3. Việc quản lý và sử dụng dấu theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

## MỤC XVIII.
## CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, VÀ GIẢI THỂ

**Điều 81. Can thiệp sớm và Kiểm soát đặc biệt**

Ngân hàng có thể bị NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm hoặc đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt khi thuộc một trong các trường hợp theo quy định của Luật Các TCTD. Trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các bên có liên quan khi Ngân hàng bị can thiệp sớm hoặc kiểm soát đặc biệt, thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 82. Tổ chức lại Ngân hàng**

Ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, chuyển đổi loại hình tổ chức sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

**Điều 83. Phá sản Ngân hàng**

Việc phá sản Ngân hàng thực hiện theo quy định tại Luật Các TCTD và quy định của pháp luật khác về phá sản.

**Điều 84. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng**

1. Ngân hàng bị giải thể, chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
   a. Ngân hàng không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.
   b. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
   c. Ngân hàng tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
   d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Thủ tục giải thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 85. Gia hạn hoạt động**

Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Ngân hàng thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

**Điều 86. Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động**

1. Trong trường hợp Ngân hàng nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản và được thụ lý, việc thanh lý tài sản của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật phá sản.
2. Khi giải thể theo Điều 84 của Điều lệ này, Ngân hàng tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc NHNN quy định. Trong quá trình giám sát thanh lý, nếu phát hiện Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ

các khoản nợ, NHNN có thể quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản Ngân hàng theo quy định.

3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do Ngân hàng chịu.

## MỤC XIX.
## GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

### Điều 87. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng, tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào do Luật Các TCTD**,** và các văn bản pháp luật có liên quan quy định, giữa:

   a. Cổ đông với Ngân hàng; hoặc

   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

   Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được khi hòa giải thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc kể từ khi quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

## MỤC XX.
## SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

### Điều 88. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng mà chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định của pháp luật mà khác với các điều khoản trong Điều lệ này thì quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

## MỤC XXI.
## NGÀY HIỆU LỰC

**Điều 89. Ngày hiệu lực**

1. Ngân hàng được áp dụng quy định chuyển tiếp theo Điều 210 Luật Các TCTD.
2. Bản điều lệ này gồm 21 (hai mươi mốt) mục, 89 (tám mươi chín) Điều được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại .....và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
3. Điều lệ được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**